

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-PT
Ngày: 01/4/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các thẩm phán : bà Nguyễn Minh Thu và bà Đậu Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thu Anh- kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện TH, tỉnh Phú Yên. Bà L ủy quyền cho anh Phạm Ngọc Ch- sinh năm 1969. Có mặt

- Bị đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim M - sinh năm 1972, ông Châu Kim T - sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện TH, tỉnh Phú Yên. Ông Châu Kim T ủy quyền cho ông Châu Minh L1-SN 1995; Nơi cư trú: thôn LT, xã P, huyện TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Thu D – sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện TH, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Kim M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bà Trần Thị L ủy quyền cho ông Phạm Ngọc Ch trình bày: Năm 2018 -2019 L có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim M vay 586.000.000 đồng để làm ăn buôn bán, trong đó nợ cũ năm 2018 là 100.000.000 đồng, bà M đã trả được 40.000.000 đồng còn lại

60.000.000 đồng; nợ năm 2019 là 486.000.000 đồng. Bà L nhiều lần đòi nợ thì bà M đã trả được 11.000.000 đồng, số còn lại bà M cam kết cuối năm 2019 sẽ trả nhưng đến nay không trả. Tổng số tiền vợ chồng bà M đã trả là 51.000.000 đồng, số tiền còn lại bà L tiếp tục đòi nhưng không được, nên bà L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà M trả 535.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Ngoài ra, tuy hai bên có thỏa thuận trả lãi mỗi tháng 14.000.000 đồng, có ghi nhận trong giấy chốt nợ năm 2019 nhưng vợ chồng bà M không trả theo thỏa thuận, nay không yêu cầu đối với khoản tiền này.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim M và ông Châu Kim T trình bày: Vợ chồng thừa nhận năm 2018-2019 có nhiều lần vay tiền của bà Trần Thị L để làm ăn, đến tháng 10 năm 2019 hai bên thống nhất chốt số tiền nợ là 486.000.000 đồng, bà M có viết giấy giao cho bà L giữ. Theo bị đơn trình bày bị đơn đã nhiều lần trả nợ, cụ thể: Ngày 26/9/2018, trả 20.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Thu D làm người làm thuê của bà M trực tiếp đưa tiền cho bà L; ngày 15/3/2019, trả 50.000.000 đồng; ngày 01/4/2019, trả 30.000.000 đồng; ngày 16/4/2019, trả 20.000.000 đồng; tháng 12/2019, trả 11.000.000 đồng; Các lần trả sau bà L đều có viết vào giấy đã nhận tiền. Tổng số tiền vợ chồng đã trả là 131.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ 355.000.000 đồng nên đồng ý trả số nợ này cho bà L. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận bị đơn trả lãi cho nguyên đơn 14.000.000 đồng/tháng, bị đơn đã thực hiện trả theo thỏa thuận nhưng việc trả và nhận tiền chỉ nói miệng không có giấy tờ chứng minh.

Bà Nguyễn Thị Thu D là người làm thuê cho bà M có đơn trình bày thừa nhận ngày 26/9/2018 có trực tiếp giao cho bà L 20.000.000 đồng theo yêu cầu của bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:15/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TH đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 475.000.000 (bốn trăm bảy mươi lăm triệu) đồng nợ do vay tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn được ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chấp nhận như bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX, Thẩm tra viên

trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa tiến hành tổ tụng đúng pháp luật tổ tụng dân sự, các đương sự tham gia tổ tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim M:

Hai bên đương sự đều thừa nhận tháng 10/2019 đã chốt nợ, số nợ bị đơn còn nợ nguyên đơn là 486.000.000 đồng bà M viết giấy giao cho bà L lưu giữ, tháng 12/2019 bị đơn trả cho nguyên đơn 11.000.000đ số tiền còn lại cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 475.000.000đ là có cơ sở. Bởi lẽ hai bên chốt nợ tháng 10/2019 nhưng trước tháng 10/2019 bị đơn trả 50.000.000đ và ngày 15/3/2019, trả 30.000.000đ vào ngày 01/4/2019, trả 20.000.000đ vào ngày 16/4/2019, khi chốt nợ nội dung trả trước không thể hiện trong giấy nhận nợ mâu thuẫn với thời gian, nên khoản tiền này không còn hiệu lực. Do đó cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận khoản tiền 11.000.000đ trả sau khi chốt nợ là có căn cứ.

Bị đơn cho rằng đã nhiều lần trả nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn tự ghi vào sổ bằng các giấy viết tay, nhưng không thể hiện thời điểm giao dịch chỉ ghi ngày tháng không ghi năm. Nguyên đơn không thừa nhận mà cho rằng đây là giao dịch khi còn làm ăn chung, cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở kể cả việc trả lãi cũng không có tài liệu chứng minh.

Từ những căn cứ trên cần chấp nhận quan điểm của VKS tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 475.000.000 (bốn trăm bảy mươi lăm triệu) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu 3.000.000đ đồng án phí DSST. Nguyên đơn đã nộp 13.100.000đ tiền tạm ứng án phí DSST ở biên lai thu tiền số 0001777 ngày 05/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH tỉnh Phú Yên, nên hoàn trả lại cho nguyên đơn 10.100.000đồng.

Bị đơn phải chịu 23.000.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí DSPT. Bị đơn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ở biên lai thu tiền số 02072 ngày 29/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH tỉnh Phú Yên nên còn phải chịu 23.000.000đ .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện TH;
- TANDNDCC Đà Nẵng;
- Nghịệp vụ
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng